

Bản án số: 378 /2023/HNGĐ-ST

Ngày : 27 - 4 - 2023

V/v Vụ án ly hôn - Mâu thuẫn gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ
2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1177/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc “Vụ án ly hôn - Mâu thuẫn gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 27/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn An N, sinh năm 1980
Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.
(vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2022, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 28/02/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn An N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn An N và bà Nguyễn Thị B tự nguyện sống chung vào năm 2002, có đăng ký kết hôn, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/8/2008.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn vì lý do không phù hợp nhau về quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân, bà Nguyễn Thị B bỏ đi khỏi nhà từ ngày 06/6/2019 đến nay, không rõ ở đâu, bà B không liên lạc gì với gia đình.

Do bà Nguyễn Thị B không có mặt tại nơi cư trú, bỏ đi biệt tích trên 02 năm nên ông Nguyễn An N yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị B mất tích (Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 412/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích- Quyết định đã có hiệu lực pháp luật).

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Nguyễn An N giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B: Vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thu được lời khai.

- Về con chung: Ông Nguyễn An N và bà Nguyễn Thị B có 01 con chung tên Nguyễn Thị L sinh ngày 01/09/2003. Con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn An N xác nhận ông và bà Nguyễn Thị B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B không có mặt tại nơi cư trú, bỏ đi biệt tích trên 02 năm nên ông Nguyễn An N yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị B mất tích (theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 412/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích – Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật). Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2023, nguyên đơn ông Nguyễn An N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn An N khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị B. Do bà B bỏ đi khỏi nhà từ ngày 06/6/2019 đến nay, không rõ ở đâu, bà B không liên lạc gì với gia đình. Ông N đã làm thủ tục Tuyên bố bà B mất tích. Nhận thấy hôn nhân của Ông N và bà B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về con chung: Ông N và bà B có 01 con chung tên Nguyễn Thị L sinh ngày 01/09/2003. Do con chung đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn An N thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn bà Nguyễn Thị B cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn An N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không đến để tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn An N, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông Nguyễn An N và bà Nguyễn Thị B chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn, đăng ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyển số 1/2008 ngày 13/8/2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét, yêu cầu của ông Nguyễn An N xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị B do bà B bỏ đi khỏi nhà từ ngày 06/6/2019 đến nay, không rõ ở đâu, bà B không liên lạc gì với gia đình. Ông N đã làm thủ tục tuyên bố bà B mất tích. Nhận thấy, Ông N và bà B đã không còn chung sống, hai bên ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, các bên đã bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn An N là có căn cứ phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn An N.

Xét về con chung: Quá trình chung sống Ông N và bà B có 01 con chung tên Nguyễn Thị L sinh ngày 01/09/2003. Do con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 19; Điều 51, Điều 55, Khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn An N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn An N được ly hôn với bà Nguyễn Thị B (Giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyển số 1/2008 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/8/2008).

2. Về con chung: Ông Nguyễn An N và bà Nguyễn Thị B có 01 con chung tên Nguyễn Thị L sinh ngày 01/09/2003. Con chung đã thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn An N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017739 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn An N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường B, Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiệp